

Bản án số: **358/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 16 - 4 - 2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Thu Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Hoàng Minh

Bà Lê Thị Bích Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Văn Cẩm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1407/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1985

Địa chỉ: xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1983

Địa chỉ: San Jose CA 95122 USA.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là bà Trần Thị Kim C trình bày:

Bà Trần Thị Kim C và ông Nguyễn Trung H tự nguyện kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28 quyển số 01/2004 ngày 08/4/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời gian chung sống, ông bà có những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay ông H đang sống ở Hàn Quốc còn bà C sống ở Việt Nam

cùng con trai. Ông bà đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành công, vợ chồng sống xa nhau nên không thể thông cảm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng không còn. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn được, vợ chồng không có đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Thanh T (nam), sinh ngày 10/10/2001. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bị đơn là ông Nguyễn Trung H trình bày tại bản tự khai đã được chứng thực chữ ký cá nhân tại Đại sứ quán Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Đại Hàn Dân Quốc:

Ông Nguyễn Trung H và bà Trần Thị Kim C tự nguyện kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28 quyển số 01/2004 ngày 08/4/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời gian chung sống, ông bà có những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng ông bà thường xuyên cãi vã dẫn đến không hạnh phúc trong nhiều năm qua. Vợ chồng ông bà không thể thông cảm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống, đến nay ông bà không còn dành tình cảm cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông bà đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành công, vợ chồng sống xa nhau nên không thể thông cảm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà C xin ly hôn thì ông H đồng ý.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Thanh T (nam), sinh ngày 10/10/2001. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con thì ông đồng ý.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Ông Nguyễn Trung H và bà Trần Thị Kim C đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự;

về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà C, giao con chung cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị Kim C đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Trung H hiện đang sinh sống tại Đại Hàn Dân Quốc. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Trung H và bà Trần Thị Kim C tham gia phiên tòa vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 16/4/2019 nhưng bà C và ông H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Trần Thị Kim C và ông Nguyễn Trung H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28 quyển số 01/2004 ngày 08/4/2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Trần Thị Kim C và ông Nguyễn Trung H trình bày thì trong thời gian chung sống, ông bà có những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay ông H đang sống ở Hàn Quốc còn bà C sống ở Việt Nam cùng con trai. Ông bà đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành công, vợ chồng sống xa nhau nên không thể thông cảm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, yêu cầu của bà C xin ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông H bà C có một con chung tên Nguyễn Thanh Tú (nam), sinh ngày 10/10/2001. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con và ông H cũng đồng ý. Cháu Tú cũng đã có văn bản trình bày nguyện vọng được sống với mẹ tại Việt Nam. Xét thấy các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con, việc thỏa thuận này là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Ông H bà C khai không có nên không xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Kim C và ông Nguyễn Trung H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 262, Điều 266, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Kim C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim C được ly hôn với ông Nguyễn Trung H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thanh T (nam), sinh ngày 10/10/2001 cho mẹ là bà Trần Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Bà Trần Thị Kim C không yêu cầu ông Nguyễn Trung H cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người

không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Kim C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Trần Thị Kim C đã nộp theo biên lai thu tạm tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0046032 ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Kim C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Kim C được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Trung H có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND xã T, huyện C, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (T/18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thu Phương**